

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2021/DS-PT

Ngày 30 - 3 - 2021

V/v Tranh chấp chia thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 561/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp chia thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 303/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/. Ông Đinh Văn H, sinh năm 1939. (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H:

1.1/. Bà Đinh Thị L, sinh năm 1963. (vắng mặt)

1.2/. Ông Đinh Văn Ng, sinh năm 1965. (có mặt)

Cùng cư trú: ấp P1, xã P2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

1.3/. Ông Đinh Văn Ng1, sinh năm 1967. (vắng mặt)

1.4/. Ông Đinh Văn D, sinh năm 1969. (vắng mặt)

1.5/. Bà Đinh Thị D1, sinh năm 1975. (vắng mặt)

1.6/. Ông Đinh Văn Th, sinh năm 1978. (vắng mặt)

1.7/. Ông Đinh Văn Ch, sinh năm 1979. (vắng mặt)

1.8/. Bà Đinh Thị D2, sinh năm 1980. (vắng mặt)

1.9/. Ông Đinh Văn E, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp P1, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2/. Bà Đinh Thị Hồng L1, sinh năm 1958. (có mặt)

Cư trú: ấp P3, xã P4, huyện P, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: tổ 1, khu phố 3, Quốc lộ 1A, phường Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị L, ông Đinh Văn Ng1, ông Đinh Văn D, bà Đinh Thị D1, ông Đinh Văn Ch, ông Đinh Văn E: ông Đinh Văn Ng.

- *Bị đơn:*

1/. Ông Đinh Công Q, sinh năm 1948. (chết ngày 05/12/2018)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Công Q:

1.1/. Bà Huỳnh Thị Th1, sinh năm 1956. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Ngọc Ch. (có mặt)

1.2/. Bà Đinh Thị Ngọc A, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Cùng cư trú: tổ 16, ấp P5, xã P4, huyện P, tỉnh An Giang.

1.3/. Bà Đinh Thị Ngọc L2, sinh năm 1978.

Cư trú: ấp P6, xã P4, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Th1. (có mặt)

1.4/. Ông Đinh Quốc Th2, sinh năm 1980. (có mặt)

1.5/. Bà Đinh Thị Bích Ng2, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Cùng cư trú: tổ 16, ấp P5, xã P4, huyện P, tỉnh An Giang.

2/. Bà Đinh Thị Ngọc Ng3, sinh năm 1961.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị Ngọc Ng3: Bà Huỳnh Thị Th1. (có mặt)

Cùng cư trú: ấp P5, xã P4, huyện P, tỉnh An Giang

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/. UBND huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện P: Ông Phạm Hoài Ph – Phó Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện P. (vắng mặt)

2/. Bà Huỳnh Thị Th1, sinh năm 1956. (có mặt)

Cùng cư trú: ấp P5, xã P4, huyện P, tỉnh An Giang.

3/. Bà Đinh Thị Ngọc Y, sinh năm 1945. (vắng mặt)

4/. Bà Đinh Thị Ngọc L2 (T), sinh năm 1978. (vắng mặt)

Cư trú: ấp P6, xã P4, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y, bà L2: Bà Huỳnh Thị Th1. (có mặt)

5/. Ông Đinh Văn C, sinh năm 1949. (vắng mặt)

6/. Bà Đỗ Thị L3, sinh năm 1951. (vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp P7, xã P4, huyện P, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Đinh Thị Hồng L1, bà Huỳnh Thị Th1, bà Đinh Thị Ngọc Ng3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đinh Thị Hồng L1 trình bày:

Bà với Đinh Thị Ngọc Y, ông Đinh Công Q, Đinh Thị Ngọc Ng3 là anh em cùng cha tên Đinh Công Ch (chết năm 2001) nhưng khác mẹ (mẹ bà tên Phạm Thị Nh, chết năm 1991); còn mẹ của Y, Q, Ng3 tên Nguyễn Thị T (chết cách nay khoảng 34 năm).

1/ Về hôn nhân giữa ông Ch với bà Nh được xác lập trên 70 năm, ông bà có 02 con chung tên Đinh Văn H và Đinh Thị Hồng L1 (là nguyên đơn trong vụ kiện). Ngoài ra không còn con chung nào khác.

Cách nay khoảng 60 năm, ông Ch, bà Nh không chung sống với nhau nữa, sau đó ông Ch sống chung với bà T như vợ chồng đến khi chết.

2/ Về hôn nhân giữa ông Ch với bà T: Được xác lập cách nay khoảng 60 năm, có 03 con chung gồm Đinh Thị Ngọc Y, Đinh Công Q, Đinh Thị Ngọc Ng3. Ngoài ra không còn con chung nào khác.

Khi ông Ch, bà Nh là vợ chồng không tạo lập được tài sản chung nào. Khi ông nội bà tên Đinh Văn Khoái (chết cách nay khoảng 60 năm) và bà nội tên gì không biết (chết cách nay khoảng 40 năm) còn sống có cho ông Ch quyền sử dụng đất bằng miệng, không làm giấy tờ, cụ thể:

- Diện tích 7.155m² đất ruộng tọa lạc tại xã P4, huyện P, tỉnh An Giang: Trước đây là 13.000m² tọa lạc tại xã P4, huyện P, tỉnh An Giang; sau đó được Nhà nước mức kênh diện tích 5.000m² có bồi hoàn tiền do ông Q, bà Ng3 nhận, sau đó, Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00867 QSDĐ/pC ngày 12/10/1992 mang tên Đinh Công Q, diện tích 7.155m². Đo đạc thực tế còn 6.822m² theo sơ đồ hiện trạng khu đất của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P do vẽ ngày 22/12/2010, thể hiện các vị trí 3, 4, 7, 8, 9. Hiện nay do ông Q, bà Th1 đang quản lý, sử dụng.

- Diện tích 3.634m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00859 QSDĐ/pC do UBND huyện P cấp ngày 30/10/2001 mang tên Đinh Công Q và diện tích 1012m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0160pC do UBND huyện

P cấp ngày 07/7/2005 mang tên Đinh Công Q và Huỳnh Thị Th1. Tổng 02 diện tích trên là 4646m². Đo đạc thực tế theo sơ đồ hiện trạng khu đất của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P đề ngày 22/12/2010 với diện tích 4670m² (tăng 24m²) thể hiện các vị trí 1, 3, 7, 9, 17. Hiện nay do Q và Th1 đang quản lý, sử dụng.

- Diện tích đất nền (thổ cư) 222,5m² tọa lạc tại xã P4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0223pC do UBND huyện P cấp ngày 30/9/2005 mang tên Đinh Thị Ngọc Ng3. Đo đạc thực tế theo sơ đồ hiện trạng khu đất của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P đề ngày 22/12/2010 với diện tích 222,5m² tại các vị trí 1, 2, 3, 4; trong đó, ông Đinh Văn C có cất nhà lấn qua diện tích 2,1m² tại các vị trí 9, 10, 13, 14. Hiện nay do Ng3 đang quản lý, sử dụng.

Nay yêu cầu chia thừa kế các diện tích đất theo thực tế đã được đo đạc gồm: Diện tích 6.822m², diện tích 4670m² và diện tích 222,5m² tọa lạc tại xã P4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sơ đồ hiện trạng như trình bày trên, chia thừa kế theo quy định của pháp luật, bà được hưởng 50% tài sản, đồng ý nhận giá trị, không nhận hiện vật.

- Liên quan đến diện tích 2,1m² do ông C đang lấn chiếm: Bà L1 không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng ý cho ông C tiếp tục sử dụng, các bên sẽ tự thỏa thuận, thương lượng giải quyết sau.

Đồng nguyên đơn ông Đinh Văn H rút lại yêu cầu khởi kiện.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đinh Văn Q do bà Huỳnh Thị Th1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Th1 với ông Đinh Công Q là vợ chồng; bà Đinh Thị Hồng L1 và ông Đinh Văn H là anh em cùng cha nhưng khác mẹ đúng như bà L1 trình bày.

Nay bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của Đinh Thị Hồng L1, được chứng minh bởi các căn cứ pháp lý như sau:

- Đối với diện tích đo đạc thực tế còn 6.822m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00867 QSDĐ/pC ngày 12/10/1992 mang tên Đinh Công Q, diện tích 7.155m², thể hiện các vị trí theo sơ đồ hiện trạng ngày 22/10/2010 gồm 3, 4, 7, 8, 9. Khẳng định đây không phải là đất có nguồn gốc của cha chồng tên Đinh Công Ch để lại; mà đất có nguồn gốc là do vợ chồng bà khai hoang từ năm 1986 đến nay. Vào năm 1986, thực hiện chính sách của Nhà nước phá lâm làm đất ruộng nên vợ chồng bà khai hoang được tổng cộng khoảng trên 10.000m², canh tác được khoảng 01 năm thì Nhà nước có chủ trương mức kên Nhà nước và nhân dân cùng làm (cụ thể, dân hiến đất, Nhà nước ra công mức kên, không bồi hoàn) để lấy nước canh tác, khi đó, diện tích đất vợ chồng bà bị mất do mức kên, còn lại 7.155m². Sau được Nhà nước miễn thuế 03 năm đầu thì ông bà đóng thuế cho Nhà nước 02 gia lúa/1.000m²/01 năm, và vợ chồng bà tiếp tục canh tác đến ngày 12/10/1992 kê khai được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00867 QSDĐ/pC ngày 12/10/1992 mang tên ông Đinh Công Q, diện tích 7.155m². Hiện nay hiện trạng thực tế diện tích đất còn lại 6.822m², nguyên nhân giảm 333m² đất là vào khoảng năm 1993 thì Nhà nước trưng dụng diện tích 333m² nêu trên để đào đường nước, và Nhà

nước có bồi hoàn tổng cộng 7.000.000đ, diện tích đất hiện nay do vợ chồng bà đang quản lý, sử dụng, không cầm cố, thế chấp cho ai.

- Đối với diện tích 3.634m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00859 QSDĐ/pC do UBND huyện P cấp ngày 30/10/2001 mang tên Đinh Công Q và diện tích 1012m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0160pC do UBND huyện P cấp ngày 07/7/2005 mang tên Đinh Công Q và Huỳnh Thị Th1. Tổng 02 diện tích trên là 4646m². Đo đạc thực tế theo sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P đề ngày 22/12/2010 với diện tích 4670m² (tăng 24m²) thể hiện các vị trí 1, 3, 7, 9, 17. Các diện tích đất trên có nguồn gốc như sau:

+ Diện tích 3.634m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00859 QSDĐ/pC do UBND huyện P cấp ngày 30/10/2001 mang tên Đinh Công Q: Có nguồn gốc là của cha tên Đinh Công Ch chuyển nhượng cho vợ chồng bà vào năm 2001, được chứng minh bằng tờ nhượng đất đề ngày 26/7/2001 có chứng thực của UBND xã P4, diện tích chuyển nhượng 3521 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00859 QSDĐpC ngày 12/10/1992; sau đó, làm thủ tục tách bộ sang tên và đo đạc thực tế có diện tích 3.634m² và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Nguyên nhân có sự tăng diện tích thực tế là vợ chồng có trang trải san lấp địa bào.

+ Diện tích 1012m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0160pC do UBND huyện P cấp ngày 07/7/2005 mang tên Đinh Công Q và Huỳnh Thị Th1: Có nguồn gốc từ việc vợ chồng nhận chuyển nhượng của bà Đinh Thị Ngọc Y, được chứng minh bởi hợp đồng chuyển nhượng số 1538 ngày 29/10/2001, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cả hai diện tích đất trên hiện nay do vợ chồng đang quản lý, sử dụng, không cầm cố, thế chấp cho ai và đã làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành giấy số CH03293 do UBND huyện P cấp ngày 11/7/2013 mang tên Đinh Công Q và Huỳnh Thị Th1, diện tích 11.731m².

Đồng bị đơn bà Đinh Thị Ngọc Ng3 trình bày:

Bà với Đinh Thị Ngọc Y, ông Đinh Công Q là anh em cùng cha tên Đinh Công Ch (chết năm 2004) cùng mẹ tên Nguyễn Thị T (chết cách nay khoảng 34 năm); với ông Đinh Văn H và bà Đinh Thị Hồng L1 là anh em cùng cha, khác mẹ.

Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn, với những căn cứ pháp lý như sau: Bà là con của ông Đinh Công Ch và bà Nguyễn Thị T, sau khi mẹ chết thì ông Ch cho bà diện tích đất nền nhà, mục đích để lập gia đình riêng, cho bằng miệng, không làm giấy tờ; bà đã quản lý, sử dụng ổn định diện tích là 222,5m² đến nay được khoảng 33-34 năm, không ai có ý kiến tranh chấp nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 222,5m² tọa lạc tại xã P4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0223pC do UBND huyện P cấp ngày 30/9/2005 mang tên Đinh Thị Ngọc Ng3. Nguồn gốc đất là của ông Ch, bà T tạo lập được. Theo sơ đồ hiện trạng thể hiện vợ chồng anh Đinh Văn C và chị Đỗ Thị L3 có

lấn chiếm qua diện tích 2,1m²; các bên sẽ tự thỏa thuận thương lượng, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện trạng đất hiện nay đã cuốn nền, không có bất kỳ vật kiến trúc hay cây cối nào trên đất, chỉ có 01 vài cây chuối. Thời gian cuốn nền cách nay khoảng trên 10 năm nhưng bà không nhớ cụ thể; chi phí cuốn nền khoảng 8.000.000đ; về chi phí cuốn nền và các cây chuối trên đất, bà không tranh chấp, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P trình bày:

Các phần diện tích đất tăng thêm gồm 24m² và 19,65m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Q, bà Th1 đứng tên và đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các diện tích đất tăng thêm không thể xác định nằm ở vị trí nào so với giấy được cấp theo hiện trạng thực tế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Th1 trình bày:

Bà là vợ ông Đinh Công Q, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Ngọc Y do bà Huỳnh Thị Th1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Y được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00868 QSDĐ/pC ngày 12/10/1992, diện tích 1.125m². Nguồn gốc đất của cha tên Đinh Công Ch cho khi còn sống. Đến ngày 29/10/2001 bà Y làm thủ tục chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đinh Công Q, bà Huỳnh Thị Th1 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0160pC do UBND huyện P cấp ngày 07/7/2005 mang tên Đinh Công Q và Huỳnh Thị Th1. Bà xác định diện tích đã chuyển nhượng xong, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn C, bà Đỗ Thị L3 cùng thống nhất trình bày:

Ông bà là vợ chồng. Liên quan đến diện tích đất lấn chiếm, các cây chuối trồng trên nền đất của bà Ng3; các bên sẽ tự thỏa thuận, thương lượng, giải quyết sau, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông bà xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Ngọc L2 do bà Huỳnh Thị Th1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước đây bà Loan có cổ của cha diện tích khoảng 1.000m² đất sản xuất nông nghiệp nằm trong diện tích 7155m², cổ với giá 10 chỉ vàng 24k loại 9999, thời hạn cổ 02 năm từ năm 1998 đến năm 2000. Đến nay ông Q đã chuộc lại, nên bà không có ý kiến tranh chấp, không yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 194/2016/DS-ST ngày 21/7/2016, Tòa án nhân dân huyện P đã tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Hồng L1 chia thừa kế được hưởng 50% giá trị tài sản là di sản của ông Đinh Công Ch là 371.789.000đ.

- Chấp nhận yêu cầu rút lại toàn bộ phần khởi kiện chia thừa kế của ông Đinh Văn H và đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn H.

- Xác định diện tích đo đạc thực tế 6.822m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00867 QSDĐ/pC ngày 12/10/1992 mang tên Đinh Công Q, diện tích 7.155m², thể hiện các vị trí theo sơ đồ hiện trạng ngày 22/10/2010 gồm 3, 4, 7, 8, 9; diện tích 3.634m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00859 QSDĐ/pC do UBND huyện P cấp ngày 30/10/2001 mang tên Đinh Công Q và diện tích 1012m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0160pC do UBND huyện P cấp ngày 07/7/2005 mang tên Đinh Công Q và Huỳnh Thị Th1, tổng 02 diện tích trên 4646m², đo đạc thực tế theo sơ đồ hiện trạng khu đất của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P đề ngày 22/12/2010 với diện tích 4670m² thể hiện các vị trí 1, 3, 7, 9, 17 (tổng diện tích đất trên được cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành giấy số CH03293 do UBND huyện P cấp ngày 11/7/2013 mang tên Đinh Công Q và Huỳnh Thị Th1, diện tích 11.731m²) là tài sản chung của vợ chồng ông Đinh Công Q và bà Huỳnh Thị Th1, không phải di sản thừa kế của ông Đinh Công Ch để lại. Các diện tích đất tọa lạc tại xã P4, huyện P, tỉnh An Giang.

- Xác định diện tích đất thổ cư 222,5m² tọa lạc tại xã P4, huyện P, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0223pC do UBND huyện P cấp ngày 30/9/2005 mang tên Đinh Thị Ngọc Ng3, đo đạc thực tế theo sơ đồ hiện trạng khu đất của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P đề ngày 22/12/2010 với diện tích 222,5m² tại các vị trí 1, 2, 3, 4 là tài sản riêng của bà Đinh Thị Ngọc Ng3 (bà Ng3 sống độc thân, không có chồng, con), không phải di sản thừa kế của ông Đinh Công Ch để lại.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án và thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/8/2016, bà Đinh Thị Hồng L1 có đơn kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 01/2017/DS-PT ngày 03 tháng 01 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 194/2016/DS-ST ngày 21/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện P. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 13/12/2017, Tòa án nhân dân huyện P có Quyết định số 259/2017/QĐDS-ST chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 05/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, 688 của Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ 166, 179, 203 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn:

1/. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đinh Công Ch với bà Phạm Thị Nh và bà Nguyễn Thị T gồm: ông Đinh Văn H (kế thừa quyền và nghĩa vụ ông H gồm: Bà Đinh Thị L; ông Đinh Văn Ng; ông Đinh Văn Ng1; ông Đinh Văn D; bà Đinh Thị D1; ông Đinh Văn Th; ông Đinh Văn Ch; bà Đinh Thị D2 và ông Đinh Văn E); bà Đinh Thị Hồng L1; bà Đinh Thị Ngọc Ng3; bà Đinh Thị Ngọc Y và ông Đinh Công Q (kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Q gồm: Bà Huỳnh Thị Th1; Đinh Thị Ngọc A, Đinh Thị Ngọc L2, Đinh Quốc Th2 và Đinh Thị Bích Ng2);

2/. Xác định di sản thừa kế của ông Đinh Công Ch chết để lại được chia theo pháp luật gồm: Diện tích đất 2.509m²; diện tích đất 1.012m² và diện tích đất 222,5m²; tổng giá trị là: 280.258.000 đồng;

3/. Buộc bà Huỳnh Thị Th1, cùng các con ông Q gồm: Đinh Thị Ngọc A, Đinh Thị Ngọc L2, Đinh Quốc Th2 và Đinh Thị Bích Ng2; có trách nhiệm hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị Hồng L1; bà Đinh Thị Ngọc Y; bà Đinh Thị Ngọc Ng3 mỗi người một suất kỷ phần với số tiền là: 28.168.000đồng (Hai mươi tám triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn đồng);

Bà Huỳnh Thị Th1, cùng các con ông Q gồm: Đinh Thị Ngọc A, Đinh Thị Ngọc L2, Đinh Quốc Th2 và Đinh Thị Bích Ng2 được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 3.634m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00859 QSDĐ/pc ngày 30/10/2001 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Đinh Công Q và diện tích đất 1.012m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0160/pc ngày 07/7/2005 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Đinh Công Q, bà Huỳnh Thị Th1 đứng tên (đất tọa lạc xã P4, huyện P);

Buộc bà Đinh Thị Ngọc Ng3 có trách nhiệm hoàn lại cho ông Đinh Công Q (kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Q gồm: Huỳnh Thị Th1, Đinh Thị Ngọc A, Đinh Thị Ngọc L2, Đinh Quốc Th2 và Đinh Thị Bích Ng2); bà Đinh Thị Hồng L1; bà Đinh Thị Ngọc Y; ông Đinh Văn H (kế thừa quyền và nghĩa vụ ông H gồm: Bà Đinh Thị L; ông Đinh Văn Ng; ông Đinh Văn Ng1; ông Đinh Văn D; bà Đinh Thị D1; ông Đinh Văn Th; ông Đinh Văn Ch; bà Đinh Thị D2 và ông Đinh Văn E) mỗi người hưởng một kỷ phần thừa kế với số tiền là: 22.250.000đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng);

Bà Đinh Thị Ngọc Ng3 được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 222,5m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.0223/pC ngày 30/9/2005 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Đinh Thị Ngọc Ng3 (đất tọa lạc xã P4, huyện P).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/8/2019, nguyên đơn bà Đinh Thị Hồng L1, bị đơn bà Đinh Thị Ngọc Ng3 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn bà Huỳnh Thị Th1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đinh Thị Hồng L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Th1 và bà Đinh Thị Ngọc Ng3 do bà Th1 nhận ủy quyền rút lại một phần yêu cầu kháng cáo đối với diện tích 7.155m² (đo đạc thực tế là 6.822m²); vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với phần diện tích đất 2.509m² và 1.012m².

Nguyên đơn bà Đinh Thị Hồng L1 yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế toàn bộ diện tích đất ruộng, đất rẫy và đất thổ cư như bà đã nêu trong đơn khởi kiện theo pháp luật do đất này có nguồn gốc do ông bà để lại.

Ông Nguyễn Ngọc Ch đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Th1 trình bày: Đối với diện tích đất 7.155 m² có nguồn gốc của Q, bà Th1 khai phá và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992, ông Q, bà Th1 sử dụng ổn định, không tranh chấp nên đây là tài sản của ông Q, bà Th1. Phần diện tích 2.509m² và 1.012m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q, bà Th1, có nguồn gốc của ông Ch, ông Ch đã định đoạt toàn bộ diện tích này cho ông Q vào năm 1990 qua tờ di chúc và sau đó định đoạt lại một lần nữa qua việc chuyển nhượng năm 2001. Do đó, diện tích này không phải là di sản của ông Q để lại. Diện tích 222,5m² có nguồn gốc của cha mẹ nhưng bà Ng3 kê khai sử dụng từ 2005 nhưng không ai tranh chấp, bà Ng3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đây cũng không phải là di sản của thừa kế. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Huỳnh Thị Th1 đã rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với phần đất diện tích 7.155m², đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét phần này. Xét các nội dung kháng cáo khác của bà Th1 và kháng cáo của bà Ng3, Bà L1, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án đã xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ và quyết định phù hợp quy định pháp luật. Bà L1, bà Th1, bà Ng3 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định

như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Đinh Thị Hồng L1, bà Đinh Thị Ngọc Ng3 và bà Huỳnh Thị Th1 làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Các đương sự gồm ông Đinh Văn Th, bà Đinh Thị D2, bà Đinh Thị Ngọc A, ông Đinh Quốc Th2, bà Đinh Thị Bích Ng2, UBND huyện P, ông Đinh Văn C, bà Đỗ Thị L3 được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Huỳnh Thị Th1 rút lại kháng cáo đối với phần diện tích 7.155m² đất ruộng tọa lạc tại xã P4, huyện P, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, nguyên đơn bà Đinh Thị Hồng L1 vẫn giữ nguyên kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, chia thừa kế đối với diện tích đất này nên Hội đồng xét xử vẫn xem xét giải quyết đối với tài sản tranh chấp trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà Đinh Thị Hồng L1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản ông Đinh Công Ch chết để lại gồm:

- Diện tích 7.155m² đất ruộng tọa lạc tại xã P4, huyện P, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00867 QSDĐ/pC ngày 12/10/1992 do ông Đinh Công Q đứng tên.

- Diện tích 3.634m² tọa lạc tại xã P4, huyện P, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00859 QSDĐ/pC do UBND huyện P cấp ngày 30/10/2001 do ông Đinh Công Q đứng tên.

- Diện tích 1012m² tọa lạc tại xã P4, huyện P, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0160pC do UBND huyện P cấp ngày 07/7/2005 đứng tên ông Đinh Công Q và bà Huỳnh Thị Th1.

- Diện tích đất nền (thổ cư) 222,5m² tọa lạc tại xã P4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0223pC do UBND huyện P cấp ngày 30/9/2005 đứng tên bà Đinh Thị Ngọc Ng3.

Đồng thời, hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đinh Công Q và bà Huỳnh Thị Th1 và bà Đinh Thị Ngọc Ng3.

[2.2] Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất:

Ông Đinh Công Ch (chết năm 2001) chung sống với bà Phạm Thị Nh (chết năm 1991) có 02 người con là ông Đinh Văn H và bà Đinh Thị Hồng L1. Sau đó, ông Ch chung sống với bà Nguyễn Thị T (không rõ ngày chết) có 03 người con là bà Đinh Thị Ngọc Y, ông Đinh Công Q (chết năm 2018), bà Đinh Thị Ngọc Ng3.

Căn cứ quy định của Nghị quyết 76/CP năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành và áp dụng pháp luật thống nhất cho cả nước thì Luật Hôn

nhân gia đình năm 1959 được áp dụng tại miền Nam Việt Nam từ ngày 25/3/1977. Ông Ch chung sống như vợ chồng với bà Nh và bà T từ trước 25/3/1977 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Ch với bà Nh, giữa ông Ch với bà T đều hợp pháp, được thừa nhận. Bà Nh và bà T đều chết trước ông Ch.

Từ đó, xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đinh Công Ch gồm: Ông Đinh Văn H, bà Đinh Thị Hồng L1, Đinh Thị Ngọc Y, ông Đinh Công Q, bà Đinh Thị Ngọc Ng3.

Trong đó, ông Đinh Văn H đã chết có hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà Đinh Thị L, ông Đinh Văn Ng, ông Đinh Văn Ng1, ông Đinh Văn D, bà Đinh Thị D1, ông Đinh Văn Th, ông Đinh Văn Ch, bà Đinh Thị D2, ông Đinh Văn E.

Ông Đinh Công Q đã chết có hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà Huỳnh Thị Th1, bà Đinh Thị Ngọc A, bà Đinh Thị Ngọc L2, ông Đinh Quốc Th2, bà Đinh Thị Bích Ng2.

[2.3] Ông Đinh Công Ch chết không để lại di chúc. Phía bị đơn xuất trình “Tờ di ngôn di chúc” ngày 12/5/1990 của ông Đinh Công Ch. Tuy nhiên, văn bản này không có người chứng kiến và không được chứng thực nên không đảm bảo tính xác thực, không có căn cứ xác định là di chúc hợp pháp.

[2.4] Xác định di sản thừa kế:

[2.4.1] Đối với quyền sử dụng diện tích đất 7.155m² tọa lạc tại xã P4: Nguồn gốc phần đất 7.155m² là của ông Đinh Công Ch. Tại tờ khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Q kê khai đất nguồn gốc do cha để lại. Quá trình xét xử sơ thẩm lần thứ nhất tại Tòa án nhân dân huyện P, ông Q và bà Th1 cũng thừa nhận nguồn gốc đất của ông Ch, cho vợ chồng ông Q sử dụng. Mặc dù việc ông Ch tặng cho ông Q phần đất này không có giấy tờ chứng minh; tuy nhiên ông Q đã trực tiếp canh tác trên đất, thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước; đến năm 1992 ông Q kê khai và được cấp quyền sử dụng đất. Việc cấp quyền sử dụng đất cho ông Q được thực hiện đúng trình tự, thủ tục. Thời điểm năm 1992 ông Ch cũng được cấp giấy chứng nhận diện tích đất khác là 3521m², ông Ch biết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q nhưng không phản đối. Những người con khác của ông Ch cũng thừa nhận việc gia đình ông Q canh tác diện tích đất này từ trước đến nay, không phản đối việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q. Do đó, ông Q được công nhận là chủ sử dụng hợp pháp của diện tích đất 7.155m² tọa lạc tại xã P4. Đây không phải là di sản thừa kế của ông Đinh Công Ch.

[2.4.2] Đối với phần diện tích 3.634m² tọa lạc tại xã P4:

Các bên đương sự trong vụ án đều xác định là tài sản có nguồn gốc tạo lập của ông Đinh Công Ch. Ông Q xác định trong tổng diện tích 3.634m² có 1.125m² ông Q nhận chuyển nhượng từ bà Đinh Thị Ngọc Y và 2.509m² nhận chuyển nhượng từ ông Ch.

Tương tự như nhận định tại mục [2.3.1], đối với phần diện tích đất 1.125m² bà Đinh Thị Ngọc Y được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/10/1992 không xác định là di sản thừa kế của ông Ch. Thời điểm bà Y được cấp giấy chứng

nhận ông Ch vẫn còn sống và không có ý kiến phản đối nên được thừa nhận là tài sản hợp pháp của bà Y. Sau đó năm 2001, bà Y lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Q. Việc chuyển nhượng là tự nguyện, hợp pháp, đảm bảo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Phần diện tích đất còn lại 2.509m² ông Q cho rằng nhận chuyển nhượng từ ông Ch, thể hiện tại hợp đồng chuyển nhượng ngày 06/7/2001, được chính quyền địa phương chứng thực ngày 26/7/2001. UBND huyện P căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng này để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q là không có cơ sở bởi lẽ ông Đinh Công Ch chết ngày 25/4/2001, trước thời điểm hợp đồng chuyển nhượng được lập. Hội đồng xét xử xét thấy có sự gian dối trong việc lập hợp đồng chuyển nhượng nên không công nhận việc chuyển quyền sử dụng đất từ ông Ch sang ông Q. Phần diện tích đất 2.509m² (120.432.000 đồng) được xác định là di sản thừa kế của ông Ch.

[2.4.3] Đối với phần diện tích đất 1012m² tọa lạc tại xã P4:

Phần đất này nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00859QSDĐ/PC ngày 12/10/1992 đứng tên ông Đinh Công Ch. Sau khi ông Ch chết thì bà Y, bà Ng3, ông Q lập Tờ thuận phân ngày 30/3/2004 thống nhất giao cho ông Q, bà Th1 sử dụng. Trên cơ sở đó, UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q, bà Th1. Xét thấy, ông Ch chết không để lại di chúc, việc thỏa thuận phân chia di sản của ông Ch phải có ý kiến của tất cả những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, bao gồm cả ông Đinh Văn H và bà Đinh Thị Hồng L1. Việc bà Y, bà Ng3, ông Q tự định đoạt là không đúng quy định pháp luật. Do đó, phần diện tích đất 1012m² (giá trị 48.576.000 đồng) được xác định là di sản thừa kế của ông Ch, được chia theo pháp luật.

[2.4.4] Đối với phần diện tích đất 222,5m² hiện đứng tên bà Đinh Thị Ngọc Ng3: Các bên đương sự đều thừa nhận có nguồn gốc do ông Ch để lại. Thời điểm bà Ng3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là năm 2004, sau khi ông Ch đã chết. Bà Ng3 cho rằng được ông Ch tặng cho nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Thực tế, bà Ng3 cũng không sinh sống trên đất; theo biên bản xem xét thẩm định thì diện tích đất này hiện không có tài sản, cây trồng gì trên đất. Sau khi ông Ch chết, các đồng thừa kế khác không lập văn bản thỏa thuận giao bà Ng3 được quyền quản lý, sử dụng phần đất này nên diện tích đất 222,5m² (111.250.000 đồng) được xem là di sản thừa kế của ông Ch để lại.

[2.4.5] Như vậy, di sản thừa kế ông Ch để lại bao gồm diện tích đất 2.509m² (120.432.000 đồng), diện tích đất 1012m² (giá trị 48.576.000 đồng) hiện do ông Q, bà Th1 đứng tên giấy chứng nhận và diện tích đất 222,5m² (111.250.000 đồng) hiện bà Ng3 đứng tên giấy chứng nhận.

[2.5] Chia di sản thừa kế:

Những người thừa kế của ông Đinh Văn H có ý kiến nhượng lại phần thừa kế được hưởng cho ông Q đối với diện tích đất hộ ông Q đang sử dụng. Bà Đinh Thị Hồng L1 yêu cầu được nhận phần thừa kế bằng giá trị tiền. Vì vậy, cần công nhận quyền sử dụng đất cho những người đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất và buộc thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác giá trị phần thừa kế bằng tiền.

Đối với di sản thừa kế là diện tích đất 2.509m² và diện tích đất 1012m², gia đình ông Q bà Th1 là những người trực tiếp canh tác, quản lý, giữ gìn tài sản từ trước đến nay nên cần cho ông Q bà Th1 được hưởng công sức đóng góp bằng 01 suất thừa kế.

Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế và tuyên buộc những người thừa kế của ông Đinh Xuân Q hoàn trả cho bà Đinh Thị Hồng L1, bà Đinh Thị Ngọc Y và Đinh Thị Ngọc Ng3 mỗi người 28.168.000 đồng; bà Đinh Thị Ngọc Ng3 phải thanh toán cho ông Q (có người thừa kế), ông H (có người thừa kế), bà L1, bà Y mỗi người 22.250.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[2.6] Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế, di sản thừa kế và thực hiện chia thừa kế có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với nội dung này.

[3] Ngoài yêu cầu chia thừa kế, bà Đinh Thị Hồng L1 còn có yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đinh Công Q và bà Huỳnh Thị Th1 và bà Đinh Thị Ngọc Ng3. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất đã được cấp nhưng phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên bác yêu cầu của bà L1 về nội dung này, đồng thời không tuyên buộc L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu này là còn thiếu sót. Do đó, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung này.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đinh Thị Hồng L1, bà Đinh Thị Ngọc Ng3, bà Huỳnh Thị Th1; sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

Bà Đinh Thị Hồng L1, Đinh Thị Ngọc Y và Huỳnh Thị Th1 là người cao tuổi, được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ 166, 179, 203 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng

án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đinh Thị Hồng L1, bà Đinh Thị Ngọc Ng3, bà Huỳnh Thị Th1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

I/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn:

1/. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đinh Công Ch với bà Phạm Thị Nh và bà Nguyễn Thị T gồm: ông Đinh Văn H (kế thừa quyền và nghĩa vụ ông H gồm: Bà Đinh Thị L; ông Đinh Văn Ng; ông Đinh Văn Ng1; ông Đinh Văn D; bà Đinh Thị D1; ông Đinh Văn Th; ông Đinh Văn Ch; bà Đinh Thị D2 và ông Đinh Văn E); bà Đinh Thị Hồng L1; bà Đinh Thị Ngọc Ng3; bà Đinh Thị Ngọc Y và ông Đinh Công Q (kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Q gồm: Bà Huỳnh Thị Th1; bà Đinh Thị Ngọc A, bà Đinh Thị Ngọc L2, ông Đinh Quốc Th2 và bà Đinh Thị Bích Ng2).

2/. Xác định di sản thừa kế của ông Đinh Công Ch chết để lại được chia theo pháp luật gồm: Diện tích đất 2.509m²; diện tích đất 1.012m² và diện tích đất 222,5m²; tổng giá trị là: 280.258.000đồng.

3/. Buộc bà Huỳnh Thị Th1, cùng các con ông Q gồm: bà Đinh Thị Ngọc A, bà Đinh Thị Ngọc L2, ông Đinh Quốc Th2 và bà Đinh Thị Bích Ng2; có trách nhiệm hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị Hồng L1; bà Đinh Thị Ngọc Y; bà Đinh Thị Ngọc Ng3 mỗi người một suất kỷ phần với số tiền là: 28.168.000đồng (Hai mươi tám triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn đồng);

Bà Huỳnh Thị Th1, cùng các con ông Q gồm: bà Đinh Thị Ngọc A, bà Đinh Thị Ngọc L2, ông Đinh Quốc Th2 và bà Đinh Thị Bích Ng2 được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 3.634m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00859 QSDĐ/pC ngày 30/10/2001 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Đinh Công Q và diện tích đất 1.012m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0160/pC ngày 07/7/2005 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Đinh Công Q, bà Huỳnh Thị Th1 đứng tên (đất tọa lạc xã P4, huyện P);

Buộc bà Đinh Thị Ngọc Ng3 có trách nhiệm hoàn lại cho ông Đinh Công Q (kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Q gồm: Huỳnh Thị Th1, Đinh Thị Ngọc A, Đinh Thị Ngọc L2, Đinh Quốc Th2 và Đinh Thị Bích Ng2); bà Đinh Thị Hồng L1; bà Đinh Thị Ngọc Y; ông Đinh Văn H (kế thừa quyền và nghĩa vụ ông H gồm: Bà Đinh Thị L; ông Đinh Văn Ng; ông Đinh Văn Ng1; ông Đinh Văn D; bà Đinh Thị D1; ông Đinh Văn Th; ông Đinh Văn Ch; bà Đinh Thị D2 và ông Đinh Văn E) mỗi người hưởng một kỷ phần thừa kế với số tiền là: 22.250.000đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng);

Bà Đinh Thị Ngọc Ng3 được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 222,5m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.0223/pC ngày 30/9/2005 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Đinh Thị Ngọc Ng3 (đất tọa lạc xã P4, huyện P).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

II/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Hồng L1 về việc yêu cầu hủy:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00867 QSDĐ/pC do UBND huyện P cấp ngày 12/10/1992, ông Đinh Công Q đứng tên; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00859 QSDĐ/pC do UBND huyện P cấp ngày 30/10/2001, ông Đinh Công Q đứng tên; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0160pC do UBND huyện P cấp ngày 07/7/2005, ông Đinh Công Q và bà Huỳnh Thị Th1 đứng tên. Hiện đã được UBND huyện P cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03293 ngày 11/07/2013, ông Đinh Công Q và bà Huỳnh Thị Th1 đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0223pC do UBND huyện P cấp ngày 30/9/2005, bà Đinh Thị Ngọc Ng3 đứng tên.

III/. Về án phí, chi phí tố tụng:

1/. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đinh Thị Ngọc Ng3 phải chịu 2.520.000đ (Hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Đinh Thị Ngọc A, bà Đinh Thị Ngọc L2, ông Đinh Quốc Th2 và bà Đinh Thị Bích Ng2 phải liên đới chịu 3.929.000đ (Ba triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Đinh Thị L, ông Đinh Văn Ng, ông Đinh Văn Ng1, ông Đinh Văn D, bà Đinh Thị D1, ông Đinh Văn Th, ông Đinh Văn Ch, bà Đinh Thị D2 và ông Đinh Văn E phải liên đới chịu 1.112.500 đồng (Một triệu, một trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2/. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho bà Đinh Thị Hồng L1, bà Huỳnh Thị Th1, bà Đinh Thị Ngọc Ng3 mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp lần lượt theo các biên lai thu số 0005183, 0005184, 0005185 cùng ngày 12/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3/. Chi phí tố tụng: Được thực hiện theo mục 4 phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

IV/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

V/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Tô Ngọc

Phạm Trí Tuấn

Hoàng Thanh Dũng